

BẢNG PHÂN CÔNG CHUYÊN MÔN (Từ ngày 13/12/2021)

TT	Họ và tên	Kiểm nhiệm	Phân công chuyên môn	Số tiết	Ghi chú
1	Đào Thị Lan		Tự chọn Toán 7A, 7B	2	
2	Nguyễn Hương Giang		GDCD 7A, 7B, (2), Sử 7A(2)	4	
3	Nguyễn Tuấn Anh	TTND(2)	Toán 9(4), Lý 9 (2) Lý 8 (2) TC Toán 9 (1), Toán 8A (4) TC Toán 8A (1) Địa 7a(2)	18	
4	Tạ Thị Thúy	CN 8B (4) TTCM (3)	KHTN6B (4) HÓA 8B (2); HÓA 9 (2) Sinh 8B (2) Sinh 9 (2)	19	
5	Vũ Việt Tùng		LÝ 7 (2) TOÁN 7 (8) Địa 8 (2) Sinh 8A (2) Sinh 7A(2) Sinh 7B(2)	18	
9	Nguyễn Quỳnh Chi	- CN 6A (4) - TKHD (2)	KHTN6A (4) Hóa 8A (2) Địa 9(2) Địa 6 (4)	18	
6	Dương Thị Hương Giang	CN 6 (4) TPCM (1)	Toán 6A,6B (8) Toán 8B (4) TC Toán 8B (1)	18	
7	Lâm Thị Mây	CN 8A (4) UV BCH CD (1)	TD 6A,6B (4); TD 7A,7B (4) TD 8A,8B(4) TD 9 (2)	19	

8	NguyễnThịLiễu	TPTĐ (10)	MT 6A,6B (2); MT 7A,7B (2) MT 8A,8B (2) GD CD 8A,8B(2)	18	
10	PhạmThịBíchLiên	TTCM (3)	Sử 9(1) Văn 8A,8B (8) Văn 9 (5) HĐNGLL 7A,7B (1)	18	
11	ĐàoThịNho	CN 7A(4)	Văn 6A,6B (8)GD CD 6B (1) Văn 7A(4) GD CD 9(1)	18	
12	NguyễnThịNhuNguyệt	CTCD (3) CN 9 (4)	TA 6B(3) TA 8B (6) TA 9 (2)	18	
13	Lưu thị Quỳnh Mai	Phụ trách phòng T.A,PHTM (2)	TA 6A(3) TA 7 (6) GDĐP 6 (4) GD CD 6A (1)	16	
14	NguyễnThịHường		AN 6A,6B, 7A,7B,8A,8B,9 (7) CN6A,6B (2),CN7A,7B (2) CN 8A,8B(2) CN 9 (1) HN 9 (0,5);HĐNGLL 8A, 8B(1) HĐNGLL 9 (0,5)Trải nghiệm 6 (2)	18	
	Hứa Thị Thơm	CN 7B (4)	Sử 8 (4) Văn 7B (4), Sử 7B (2), Sử 6 (2) Địa 7b (2)	18	
14	Trung (Nguyễn Huệ)		Tin 6 (2)	2	
15	Nguyễn Thị Thu Huyền				Nghỉ thai sản